

Gia Lâm, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 136/2021/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Quang T, sinh năm 1956;

ĐKKHKT: Thôn X, xã B, huyện G, thành phố H.

Nơi cư trú: Khu Y, xã N, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1956;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện G, thành phố H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Quang T và bà Trần Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của ông Đỗ Quang T và bà Trần Thị D, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Ông T và bà D có 02 con chung là anh Đỗ Đức D, sinh ngày 16/4/1988 và chị Đỗ Thị Trang N, sinh ngày 02/5/1991. Hiện nay, anh D và chị N đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần. Ông T và bà D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung nên Tòa án không xét.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Ông T và bà D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Ông T và bà D không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0072543 ngày 15/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay ông Đỗ Quang T được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã B, huyện G (GCNKH số 11 ngày 10/01/1986);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân